

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THUỶ NGUYÊN  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28 - 7 - 2022  
Về việc Ly hôn và tranh chấp về con  
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Mến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Đức Cảnh

Bà Nguyễn Thị Lương

**- T ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Hà - T ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 490/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 490/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị V; Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện T, thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Viết T; Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện T, thành phố H; vắng mặt (là đối tượng khuyết tật được hưởng chợ cấp xã hội theo Quyết định số 6222/QĐ-UBND, ngày 25/10/2016).

Người giám hộ: Bà Vũ Thị T (là mẹ đẻ); nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Văn Bình – Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước H; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Tạ Thị V trình bày:

Chị và anh Lê Viết T kết hôn với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D vào năm 2009, sau khi cưới vợ chồng ăn ở tại thôn T, xã D, huyện T, thành phố H cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng bản thân anh T cảm thấy nên cuộc sống chung vợ chồng đã vô cùng khó khăn nhưng anh T lại không hiểu nên vợ chồng Tổng hay xung đột và cũng không thể ngồi xuống cùng nhau bình tĩnh nói chuyện được, cuộc sống chung trong gia đình rất ngột ngạt và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được do mâu thuẫn nên chị V đã bỏ về nhà bố mẹ tại thôn C, xã K sống từ cuối năm 2019 đến nay vợ chồng mỗi người mỗi nơi. Để giải phóng cho nhau chị V đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Viết T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh T có 02 con chung tên: Lê Viết Đ, sinh ngày 16/01/2012 và Lê Viết T, sinh ngày 08/7/2014. Thời gian đầu vợ chồng sống ly thân cả hai con chung do anh T nuôi dưỡng có sự giúp đỡ của ông bà nội (bố mẹ đẻ anh T) sau đó thì đến thời gian gần đây chị V đã trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Khi ly hôn vì anh T là người cảm thấy nên chị V đề nghị được nuôi cả 02 con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị cùng anh T và gia đình tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Viết T có quan điểm trình bày dưới sự chứng kiến của người giám hộ và trợ giúp viên pháp lý, anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của chị Tạ Thị V về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, nay chị V xin ly hôn gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng chị V cứ quyết tâm bỏ anh T, anh T là đối tượng khuyết tật dạng câm, điếc và được Nhà nước cho hưởng chế độ từ năm 2016 nay chị V xin ly hôn anh T không đồng ý ly hôn mong muốn chị V về đoàn tụ để nuôi dạy con. Nhưng nếu chị V cứ cố tình ly hôn anh T và gia đình cũng không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung như chị V trình bày là đúng chị V bỏ nhà đi từ cuối năm 2020 đến nay không về thỉnh thoảng về thăm con anh T có nguyện vọng được nuôi cả hai con nhưng vì cảm thấy không có việc làm phụ thuộc bố mẹ và được hưởng trợ cấp của nhà nước mỗi tháng 750.000 đồng nên không có khả năng nuôi con sau khi chị V làm đơn xin ly hôn cuối năm

2021 chị V đã về đón 2 con để nuôi chuyển trường học cho con về xã K học nay ly hôn anh T, cùng bà T đồng ý để chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để hai tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị V và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Viết T đã được Tòa án tổng Đ hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Viết T.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tổng Đ và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, T ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn đã chấp hành đúng quy định, bị đơn, người giám hộ cơ bản chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 46, 47, 57 của Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 73, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Tạ Thị V và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tạ Thị V được ly hôn anh Lê Viết T; Về con chung: Giao cả hai con chung tên Lê Viết Đ, sinh ngày 16/01/2012 và Lê Viết T, sinh ngày 08/7/2014, cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi

khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên kiểm sát viên không đề cập giải quyết; về tài sản chung: Chị V không yêu cầu, bị đơn anh T vắng mặt song đã có quan điểm trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn chị Tạ Thị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng**

Bị đơn là anh Lê Viết T và người giám hộ bà Vũ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

#### **[2] Về quan hệ hôn nhân**

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Tạ Thị V và anh Lê Viết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 127, quyển số 01, ngày 16 tháng 11 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thể hiện: Chị V và anh Khang chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến nay thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, trong làm ăn kinh tế, anh T là đối tượng khuyết tật được hưởng chợ cấp xã hội nên cuộc sống chung vợ chồng kinh tế khó khăn. Do mâu thuẫn nên vợ chồng căng thẳng nên đã sống ly thân nhau và không còn quan tâm nhau. Nay chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, anh T vắng mặt tại phiên tòa song đã có ý kiến trình bày có sự chứng kiến của người giám hộ và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp là mong muốn chị V về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh T đã kéo dài, trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị V không đồng ý vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, cho chị Tạ Thị V được ly hôn anh Lê Viết T.

#### **[3] Về con chung**

Chị V và anh T có 02 con chung tên Lê Viết Đ, sinh ngày 16/01/2012 và Lê Viết T, sinh ngày 08/7/2014. Kể từ khi Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, anh T cùng người giám hộ bà T đồng ý để chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Hội

đồng xét xử nhận thấy, hiện nay cả hai con chung đều còn nhỏ, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, cần thiết phải giao con chung cho một người nuôi dưỡng, chăm sóc, việc nuôi con chung của chị V đã ổn định, mặt khác con chung trên 7 tuổi có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cả hai con chung cho chị V nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V trình bày để chị và anh T cùng gia đình tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

#### [4] Về tài sản chung

Chị V trình bày vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh T và người giám hộ vắng mặt tại phiên tòa song cũng có quan điểm trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

#### [5] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Tạ Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 46, 47, 57 của Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 73, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Tạ Thị V và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tạ Thị V được ly hôn anh Lê Viết T.
2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Viết Đ, sinh ngày 16/01/2012 và Lê Viết T, sinh ngày 08/7/2014, cho chị Tạ Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Tạ Thị V phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007706, ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã D, h. T;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Mến**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng**

**Lê Thị Sự**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Sự**







